| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN AN BIÊN**<br>**TỈNH KIÊN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **02/**2022/HNGĐ-ST
Ngày: 26-01-2022
*"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Trần Văn Thảo

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Trần Thị Mộng Lành

2. Ông Lê Văn Lộc

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Tăng Thị Điền- Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa***: Bà Lai Thị Ngọc Thúy- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 105/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 84/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 04 tháng 3 năm 1994 (có mặt);

Hộ khẩu thường trú: ấp HX, xã NY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang. Địa chỉ: Đ N1, cụm sản xuất AT, phường AT, thị xã TA, tỉnh Bình Dương.

*2. Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn D, sinh ngày 09 tháng 5 năm 1991 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp HX, xã NY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 06/5/2020 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H trình bày và yêu cầu như sau*:

Chị và anh Nguyễn Văn D chung sống với nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã KA, huyện CM, tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Quá trình chung sống chị và anh Nguyễn Văn D có 01 người con chung tên Nguyễn Vũ A, sinh ngày 05/02/2016; về tài sản chung, chị và anh Nguyễn Văn D không có tài sản chung; về nợ chị và anh Nguyễn Văn D không có nợ người khác và người khác không có nợ anh chị. Thời gian chung sống anh Nguyễn Văn D sống không hạnh phúc, anh Nguyễn Văn D không lo làm ăn, thường xuyên đi chơi không lo cho gia đình vợ con, đánh chị vô cớ, đến tháng 12/2019 chị và anh Nguyễn Văn D sống ly thân với nhau đến nay. Chị thấy, chị và anh Nguyễn Văn D không còn tình cảm vợ chồng, chị yêu cầu Tòa án giải quyết như sau: Về quan hệ hôn nhân, chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn D. Về quan hệ con chung, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Vũ A, sinh ngày 05/02/2016 đến tròn 18 tuổi, tự lao động sinh sống được, chị không yêu cầu anh Nguyễn Văn D cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ, chị và anh Nguyễn Văn D không có tài sản chung, chị cam kết chị và anh Nguyễn Văn D không có nợ người khác và người khác không có nợ anh chị nên chị không yêu cầu giải quyết.

* *Tại biên bản xác minh ngày 17/6/2021, về nguyên nhân mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân*:

Anh Nguyễn Văn D, cư trú tại ấp HX, xã NY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang hiện nay không có mặt ở nhà và địa phương, khi đi không cung cấp địa chỉ mới. Anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị Thu H chung sống với nhau được một thời gian không còn sống chung nữa, mâu thuẫn giữa vợ chồng không xác định rõ, con chung của anh chị từ khi anh chị ly thân đến nay chị H trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc.

* *Bị đơn anh Nguyễn Văn D*: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho Nguyễn Văn D nhưng anh không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn và nuôi con của chị Nguyễn Thị Thu H nên Toà án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

* *Tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án gồm*: Giấy chứng minh nhân dân tên Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Văn D và sổ hộ khẩu; Giấy chứng nhận kết hôn Nguyễn Thị Thu H và Nguyễn Văn D; Giấy khai sinh Nguyễn Vũ A; Đơn xin xác nhận tình trạng cư trú của đương sự ngày 05/5/2020 của chị Nguyễn Thị Thu H; Biên bản xác minh ngày 17/6/2021 của Tòa án nhân

dân huyện An Biên.

** Tại phiên tòa*:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn D. Về quan hệ con chung, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Vũ A, sinh ngày 05/02/2016 đến tròn 18 tuổi, tự lao động sinh sống được, chị không yêu cầu anh Nguyễn Văn D cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ, chị và anh Nguyễn Văn D không có tài sản chung; chị cam kết, chị và anh Nguyễn Văn D không có nợ người khác và người khác không có nợ anh chị nên chị không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn D vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện các thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, xác định mối quan hệ pháp luật, đưa tư cách đương sự tham gia tố tụng, về thu thập tài liệu, chứng cứ chứng minh, tống đạt các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát đúng trình tự thủ tục và thời gian quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 48, Điều 51, Điều 68, các Điều 208, 209, 210, 211, 239 và Điều 247 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do, đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu H yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn D và nuôi dưỡng con chung là có căn cứ chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với anh Nguyễn Văn D. Về quan hệ con chung, khi ly hôn giao con chung của anh chị cho chị Nguyễn Thị Thu H được tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, chị Nguyễn Thị Thu H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ, chị Nguyễn Thị Thu H tự xác định và cam kết không có tài sản chung, không tranh chấp và không có nợ, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn D và tranh chấp về nuôi con. Bị đơn anh Nguyễn Văn D, cư trú tại ấp HX, xã NY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang nên xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Văn D biết và ấn định thời gian để anh có ý kiến về việc chị Nguyễn Thị Thu H khởi kiện đối với anh nhưng anh không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Toà án tổ chức và thông báo cho các bên đương sự để tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Nguyễn Văn D vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Như vậy, đây là thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho anh Nguyễn Văn D nhưng anh vẫn cố tình vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Đồng thời, tại phiên toà lần thứ hai chị Nguyễn Thị Thu H không yêu cầu hoãn phiên toà. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Nguyễn Văn D theo quy định tại khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét về quan hệ hôn nhân, chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Văn D chung sống với nhau và đi đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền *(Ủy ban nhân dân xã KA, huyện CM, tỉnh An Giang là nơi cư trú một trong các bên của anh chị)* và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 171, ngày 29 tháng 7 năm 2015, anh chị đảm bảo các điều kiện kết hôn khác theo quy định của pháp luật là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với anh Nguyễn Văn D, thời gian chung sống với anh Nguyễn Văn D sống không hạnh phúc, anh Nguyễn Văn D không lo làm ăn, thường xuyên đi chơi không lo cho gia đình vợ con, đánh chị vô cớ, đến tháng 12/2019 chị và anh Nguyễn Văn D sống ly thân với nhau đến nay. Chị thấy, chị và anh Nguyễn Văn D không còn tình cảm vợ chồng, chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn D nhưng anh Nguyễn Văn D không có ý kiến yêu cầu gì, không quan tâm đến việc chị H yêu cầu ly hôn với

anh là vi phạm nghĩa vụ giữa vợ chồng thời gian dài, vợ chồng không chăm sóc, lo lắng lẫn nhau mà anh chị không có biện pháp hàn gắn để chung sống với nhau nên hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay chị H cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn D. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị Kiểm sát viên và yêu cầu khởi kiện của chị H, cho chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với anh Nguyễn Văn D là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung, chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Văn D có 01 người con chung tên Nguyễn Vũ A, sinh ngày 05/02/2016, hiện nay đang chung sống với chị Nguyễn Thị Thu H. Khi ly hôn chị Nguyễn Thị Thu H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, anh Nguyễn Văn D không có ý kiến gì. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, ý kiến của chị Nguyễn Thị Thu H, giao con chung của anh chị tên Nguyễn Vũ A, sinh ngày 05/02/2016 cho chị Nguyễn Thị Thu H tiếp tục nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị Nguyễn Thị Thu H không yêu cầu anh Nguyễn Văn D cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ, chị Nguyễn Thị Thu H tự xác định, anh chị không có tài sản chung, chị Nguyễn Thị Thu H cam kết chị và anh Nguyễn Văn D không nợ người khác, người khác không nợ anh chị và chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu nhưng được trừ vào số tiền đã tạm ứng án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 241, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 51, Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTV QH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung của anh chị tên Nguyễn Vũ A, sinh ngày 05/02/2016 cho chị Nguyễn Thị Thu H tiếp tục nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được, hiện nay đang chung sống với chị Nguyễn Thị Thu H.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Thu H không yêu cầu anh Nguyễn Văn D cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ: Chị Nguyễn Thị Thu H tự xác định, anh chị không có tài sản chung, chị Nguyễn Thị Thu H cam kết chị và anh Nguyễn Văn D không nợ người khác, người khác không nợ anh chị và chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

5. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0007357 ngày 16 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Chị Nguyễn Thị Thu H đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

6. Báo quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 26/01/2022. Đương sự

vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận***:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- UBND xã KA, huyện CM, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA,VP (Điền).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Thảo**